

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2018.

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông VÕ THANH BÌNH.
- * Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ĐỖ DUY HÙNG.
2. Ông NGUYỄN VĂN TÁM.
- * Thư ký phiên tòa: Ông TRẦN MINH CUỒNG– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- * Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa : Bà HUỖNH THỊ CẨM – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 776/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2017 về tranh chấp “ *Ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1976.
Địa chỉ: xã M, huyện C , tỉnh T
- * Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P sinh năm 1970.
Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh T.
(Chị T , anh P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xác định:

Chị và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, anh P có tính gia trưởng và thường xuyên nhậu về đánh chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được quyền ly hôn với anh P.

Chị và anh P có một con chung tên Nguyễn Tấn Ph sinh ngày 22/6/2004, hiện nay do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi cháu Ph. Tiền cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* * Bị đơn anh Nguyễn Văn P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T: yêu cầu được quyền ly hôn với anh P, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Anh P: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì thêm. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Anh Nguyễn Văn P là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh đã vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

- Về quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè là phù hợp với qui định tại Điều 35,39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đương sự, Kiểm sát viên không có ý kiến hay kiến nghị gì về trình tự, thủ tục trong vụ án; hành vi của những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tố tụng trong vụ án đã được đảm bảo; người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị T xác định giữa chị và anh P có nhiều mâu thuẫn như không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ tháng đầu năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng của chị không còn nên yêu cầu được quyền ly hôn với anh P. Anh P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị T đưa ra. Như vậy anh mặc nhiên thừa nhận nguyên nhân chị T đưa ra để yêu cầu ly hôn là đúng. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh P là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được quyền ly hôn với anh P.

3. Về con chung: Chị T và anh P có một con chung tên Nguyễn Tấn Ph sinh ngày 22/6/2004 , hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung. Anh P không có ý kiến về việc nuôi con chung. Qua tham khảo ý kiến của cháu Ph thì cháu có nguyện vọng sống với chị T. Do đó tiếp tục giao cháu Ph cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp .

4. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

6. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

7. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- điểm b, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được quyền ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Ph sinh ngày 22/6/2004 cho chị T nuôi dưỡng. Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo qui định của pháp luật.

Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07690 ngày 20/10/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh P được tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp.

6. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- UBND xã M
- Các đương sự
- Lưu: VP, TLD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

VÕ THANH BÌNH

